TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN PHÙ MỸ** **TỈNH BÌNH ĐỊNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 262/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 24-8-2023
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÙ MỸ, TỈNH BÌNH ĐỊNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thành Tân

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Lộc;

2. Lương Văn Khánh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Tiến, là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ, tỉnh Bình Định.

***- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phù Mỹ tham gia phiên tòa*:** Ông Đinh Quốc Vương - Kiểm sát viên.

Ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Phù Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 144/2023/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 5 năm 2023, về việc: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1386/2023/QĐXX-HNGĐ, ngày 12 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên Toà số 1402/2023/QĐST-DS, ngày 03 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Phạm Thị Thanh P, sinh năm 1983 (Có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt).

Trú tại: Thôn V, xã M, huyện P, tỉnh B.

Bị đơn: Anh Nguyễn Văn N, sinh năm 1980 (Vắng mặt).

Trú tại: Thôn V, xã M, huyện P, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Vắng mặt tại phiên tòa hôm nay, nhưng theo đơn khởi kiện đề ngày 06 tháng 4 năm 2023, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh P trình bày:

Trước khi kết hôn chị và anh Nguyễn Văn N có thời gian tìm hiểu, rồi tự nguyện tiến tới hôn nhân, đăng ký kết hôn vào ngày 20/01/2016 tại UBND xã M, huyện P, tỉnh B. Sau khi kết hôn, vợ chồng sống chung đến năm 2021, thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn do tính cách lối sống anh N thây đổi, anh N không quan tâm gì đến vợ con, mà quan hệ ngoại tình với người khác, rồi về nhà kiếm cớ gây chuyện đánh chị nhiều lần, vì vậy chị đã bỏ nhà đi

từ tháng 2/2022 sống ly thân với anh N từ đó cho đến nay. Trong khoảng thời gian sống ly thân, anh N cũng không quan tâm gì đến chị. Nay xét thấy tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên chị yêu cầu Toà giải quyết cho chị được ly hôn với anh N.

-Về quan hệ nuôi con chung: Vợ chồng chị có 04 con chung Nguyễn Lâm N, sinh ngày 15/02/2004, Nguyễn Nhật P, sinh ngày 15/02/2008, Nguyễn Phi L, sinh ngày 22/6/2010 và Nguyễn Gia N, sinh ngày 13/9/2021, hiện các con đang ở với chị. Nay ly hôn, chị yêu cầu được trực tiếp nuôi các con P, L và N, không yêu cầu anh N cấp dưỡng nuôi con, riêng cháu Nhật đã thành niên, muốn sống với ai do con tự quyết định.

-Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Toà giải quyết.

Đối với bị đơn anh Nguyễn Văn N, mặc dù đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng hợp lệ, nhưng anh N không có ý kiến trình bày gì đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Tại phiên Tòa hôm nay đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P phát biểu:

-Về thủ tục tố tụng Tòa án, Hội đồng xét xử đã tiến hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

-Về nội dung vụ án:

-Về hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Phạm Thị Thanh P, cho chị P được ly hôn với anh N.

-Về quan hệ nuôi con chung: Giao 03 con chung của chị P anh N là Nguyễn Nhật P, sinh ngày 15/02/2008, Nguyễn Phi L, sinh ngày 22/6/2010 và Nguyễn Gia N, sinh ngày 13/9/2021, cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng (hiện các con đang ở với chị P), chị P không yêu cầu anh N phải cấp dưỡng nuôi con, nên không xét. Riêng con Nguyễn Lâm N, sinh ngày 15/02/2004 đã thành niên muốn sống với ai do Nhật tự quyết định.

-Về quan hệ tài sản chung: Chị P không yêu cầu nên không xét

-Về án phí: Chị P chịu 300.000đ sung ngân sách nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] *Về quan hệ tranh chấp, thẩm quyền giải quyết của Tòa án và thủ tục tố tụng*:

Đây là vụ án Hôn nhân gia đình tranh chấp về ly hôn, nuôi con thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Vụ án này có bị đơn là anh Nguyễn Văn N đang cư trú tại huyện P, tỉnh B, nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh B theo quy định tại điểm a, khoản 1 Điều 35 và điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đã triệu tập bị đơn anh Nguyễn Văn N hợp lệ lần thứ hai để tham gia phiên Tòa, nhưng anh N vắng mặt không có lý do, cũng không trở ngại khách quan, còn chị P có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, nên căn cứ điểm b,

khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt chị P, anh N.

[2] *Về nội dung vụ án:* Chị Phạm Thị Thanh P và anh Nguyễn Văn N tự nguyện tìm hiểu và tiến tới hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại UBND M, huyện P, tỉnh B vào ngày 20/01/2016, sau khi kết hôn vợ chồng sống hạnh phúc đến năm 2021, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do trong cuộc sống gia đình anh N không quan tâm gì đến vợ con, mà quan hệ ngoại tình với người khác về nhà kiếm cớ gây chuyện đánh chị nhiều lần, nên từ tháng 02/2022 đến nay vợ chồng đã sống ly thân. Hội đồng xét xử xét thấy là vợ chồng phải có nghĩa vụ yêu thương, chung thủy, tôn trọng quan tâm, chăm sóc giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẻ thực hiện các công việc trong gia đình, nhưng trong thời kỳ hôn nhân, nhưng trong thời kỳ hôn nhân giữa chị P và anh N phát sinh nhiều mâu thuẫn, vợ chồng không quan tâm gì đến nhau, chính vì vậy mâu thuẫn vợ chồng ngày càng trầm trọng, nên từ tháng 02/2022 đến nay chị P và anh N không còn sống chung với nhau nữa.

Trong quá trình Toà hoà giải xét xử vụ án này anh N cũng không đến Toà, không có nguyện vọng được đoàn tụ, điều này chứng tỏ anh N cũng không mong muốn xây dựng gia đình hạnh phúc, vì vậy có cơ sở xác định, hôn nhân giữa chị P và anh N đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nếu duy trì cuộc sống hôn nhân này cũng không đem lại hạnh phúc cho cả hai. Do đó, áp dụng các Điều 51, 56 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử cho chị P được ly hôn với anh N.

- Về con chung: Chị P và anh N có 04 con chung là Nguyễn Lâm N, sinh ngày 15/02/2004, Nguyễn Nhật P, sinh ngày 15/02/2008, Nguyễn Phi L, sinh ngày 22/6/2010 và Nguyễn Gia N, sinh ngày 13/9/2021 hiện con đang ở với chị P. Nay ly hôn chị P yêu cầu được trực tiếp nuôi cháu các con P, L, N, còn anh N không có ý kiến gì về việc nuôi con và nguyện vọng cháu P và L muốn tiếp tục được chung sống với mẹ, cháu N còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi vì vậy Hội đồng xét xử giao cháu P, L và N cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với Điều 81, 82 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Chị P không yêu cầu anh N phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, nên không xét.

-Về tài sản chung: Chị P không yêu cầu Toà giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xét.

[3] Về án phí Hôn nhân gia đình sơ thẩm: Chị P phải chịu án phí ly hôn, theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự quy định tại khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[4] Xét ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P: Đề nghị chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

-Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147, điểm b, khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

-Căn cứ Điều 51, 56, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình 2014;

-Căn cứ Khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy Ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Thị Thanh P được ly hôn với anh Nguyễn Văn N.

2. Về quan hệ nuôi con chung: Giao con chung của chị P, anh N là Nguyễn Nhật P, sinh ngày 15/02/2008, Nguyễn Phi L, sinh ngày 22/6/2010 và Nguyễn Gia N, sinh ngày 13/9/2021 cho chị P trực tiếp nuôi dưỡng (hiện các con đang ở với chị P), anh N không phải cấp dưỡng nuôi con. Riêng con Nguyễn Lâm N, sinh ngày 15/02/2004 đã thành niên muốn sống với ai do N tự quyết định.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở; nhưng không được lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc làm ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con, cũng như việc cấp dưỡng nuôi con theo quy định của pháp luật.

3.Về án phí: Chị Phạm Thị Thanh P phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn để sung ngân sách nhà nước, nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí, mà chị P đã nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tiền số 0009134, ngày 11/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện P, tỉnh B.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Thị Thanh P và anh Nguyễn Văn N vắng mặt nên được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án, hoặc Bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-VKSND huyện Phù Mỹ;
-CC THADS huyện Phù Mỹ;
-UBND xã Mỹ Phong;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thành Tân

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ - THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Lộc **Lương Văn Khánh** **Nguyễn Thành Tân**